

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2015; Định hướng hoạt động giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Văn bản số 4126/BKHCCN-ĐP ngày 10/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp tổ chức Hội nghị KH&CN vùng Đông Nam Bộ lần thứ XIII, năm 2015 tại Đồng Nai;

Căn cứ Thông báo số 4475/TB-BKHCCN ngày 02/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thống nhất nội dung tổ chức Hội nghị KH&CN vùng Đông Nam Bộ lần thứ XIII, năm 2015 tại Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1462/VP UBND-CNN ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị KH&CN vùng Đông Nam bộ;

Qua 5 năm (2011-2015), Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 20 ngày 11/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020; Quyết định 1244/QĐ-TTg ngày 25/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ 2010-2015; Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 06/12/2010 của HĐND tỉnh Đồng Nai về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai 5 năm 2011-2015;... Hoạt động Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã luôn bám sát các nội dung chỉ đạo theo các văn bản nêu trên với tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực và với những giải pháp phù hợp, thiết thực. Kết quả đạt được trong hoạt động khoa học và công nghệ đã từng bước thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 và góp phần vào sự nghiệp thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh; đồng thời cũng tạo điều kiện và tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện có hiệu quả, thắng lợi các định hướng, mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển KT-XH của kế hoạch 5 năm tới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

Kết quả cụ thể đạt được trong công tác QLNN về khoa học và công nghệ ở địa phương như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. Kết quả triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN tại địa phương:

Trong 5 năm qua (2011-2015), nhiều chủ trương, chính sách về lĩnh vực khoa học và công nghệ cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh để hiện thực hóa những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đã được Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai nghiên cứu, chủ động xây dựng và tham mưu UBND tỉnh chấp thuận, phê duyệt; Cụ thể đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 14 văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN của địa phương; Trong đó, nổi bật nhất là đã tham mưu và được Tỉnh ủy Đồng Nai ban hành Kế hoạch số 155-KH/TU ngày 11/11/2013 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển Khoa học và Công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Các Chính sách về xây dựng phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; Chương trình hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; bảo hộ Sở hữu trí tuệ; Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Cơ chế tài chính, cơ chế quản lý đặc thù cho Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học của tỉnh; Chính sách đặc thù thu hút các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước vào làm việc tại Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh; Cơ chế tài chính hỗ trợ kinh phí thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp huyện, cấp ngành; Tham mưu UBND tỉnh chấp thuận giao nhiệm vụ cho Sở Khoa học và Công nghệ lập Đề án thực hiện Quy hoạch Thành phố Khoa học trên nền tảng phát triển Trung tâm Ứng dụng CNSH tỉnh Đồng Nai;...

II. Kết quả hoạt động Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011-2015:

1. Những kết quả, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đạt được giai đoạn 2011-2015:

1.1. Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động KH&CN:

- Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp phát triển KH&CN: Xác định việc phát huy và phát triển KH&CN là một nhiệm vụ trọng tâm của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp; là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của cấp ủy, chính quyền; của người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN đã đưa vào tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu, của cấp ủy Đảng và chính quyền hàng năm.

- Đổi mới công tác quản lý hoạt động KH&CN theo hướng triệt để xóa bỏ cơ chế xin cho. Quy trình đăng ký, xét duyệt, tuyển chọn, phê duyệt và giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; quy trình tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu KH&CN được thực hiện theo quy định của Bộ KH&CN và các Quy trình quản lý của tỉnh đã ban hành. Phát huy cao hơn vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức KH&CN thông qua việc mời lãnh đạo của các ban, ngành, các tổ chức KH&CN liên quan làm Chủ tịch Hội đồng tư vấn KH&CN trong việc xác định danh mục đề tài, dự án; xác định cụ thể đơn vị tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sau khi đề tài, dự án được tổng kết - nghiệm thu, kết thúc.

- Tiếp tục phát huy mô hình Hội đồng Tư vấn xét duyệt thuyết minh, giám định, tổng kết đề tài/dự án theo mô hình 3.3, gồm các nhà khoa học ở Đồng Nai và 02 Trung tâm khoa học lớn là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội (3 thành viên ở Đồng

Nai, 3 thành viên tại Thành phố Hồ Chí Minh và 3 thành viên tại Hà Nội), góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu của đề tài, dự án KH&CN.

- Mô hình đưa cán bộ Sở KH&CN về làm việc tại huyện và áp dụng cơ chế hỗ trợ 70/30 đối với các đề tài thuộc ngành y tế, giáo dục, lực lượng vũ trang và 50/50 đối với các ngành khác và địa phương, đã mang lại kết quả rất khả quan. Các huyện và các ngành đã quan tâm hơn đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH&CN, các đề tài sát với nhu cầu cấp cơ sở được triển khai nhiều hơn so với các năm trước. Tiếp tục xây dựng mô hình tổ chức hoạt động và quản lý Nhà nước về KH&CN cấp huyện, thị xã, Thành phố Biên Hòa và các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng huy động thêm nguồn lực bổ sung vào nguồn lực của tỉnh. Xây dựng Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học thành mô hình liên kết giữa KH&CN với đào tạo, sản xuất, kinh doanh, hướng đến mô hình dạy nghề công nghệ cao cho nông dân.

1.2. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ:

Trong 5 năm qua (2010-2015), tiềm lực Khoa học và Công nghệ của Đồng Nai luôn được chú trọng quan tâm và phát triển mạnh; Đã đầu tư triển khai 12 dự án phát triển tiềm lực KH&CN, trong đó đã hoàn thành và đưa vào sử dụng có hiệu quả trong thực tế 07 dự án: Hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án đường kết nối vào Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai, khánh thành và đưa vào hoạt động Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai, Trung tâm đo kiểm Đồng Nai tại huyện Nhơn Trạch-Đồng Nai;...

Nổi bật ở lĩnh vực này là Đồng Nai đã rất thành công trong việc đầu tư xây dựng Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Sinh học tỉnh Đồng Nai với diện tích ban đầu 208 ha, là mô hình phát triển dựa trên sự kế thừa, tiếp thu có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các Viện, Trường và Trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để xây dựng các mô hình thực nghiệm chuyển giao kết quả nghiên cứu đến doanh nghiệp và nông dân. Đồng thời tạo một không gian rộng mở và môi trường thuận lợi cho các nhà khoa học, tổ chức thực nghiệm kết quả nghiên cứu ở phòng thí nghiệm và các nhà sản xuất công nghiệp công nghệ sinh học đầu tư phát triển nhằm đưa sản xuất nông nghiệp của Đồng Nai từng bước phát triển theo chiều sâu, năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng lên. Trung tâm đã sản xuất 42 hạt giống rau F1. Năm 2014 đã cung cấp cho thị trường 45 tấn giống tương ứng với 14.000 ha, trong đó xuất khẩu sang Myanma giống đậu xanh VINO 79 và sang Philippin giống khổ qua galaxy, dưa leo VINO 302. Đã thực nghiệm đánh giá lựa chọn được giống, quy trình, giá thể trồng của 17 dưa lê vân lưới, 8 giống dưa leo có năng suất và chất lượng cao.

1.3. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ ngày càng có chuyển biến tích cực theo hướng gắn chặt hơn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và công tác quản lý:

a. Kết quả nghiên cứu, ứng dụng:

Giai đoạn 2010-2015 là giai đoạn hoạt động quản lý, nghiên cứu ứng dụng của tỉnh phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tập trung đẩy mạnh đặt hàng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ để giải quyết, bảo đảm mang lại hiệu quả thiết thực các chương trình khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng và phát triển đồng bộ khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật công nghệ và các hướng công nghệ ưu tiên phù hợp với Đồng Nai: công nghệ thông tin - truyền thông, công nghệ sinh học và công nghệ môi trường; Xây dựng những đề tài

nghiên cứu sâu hơn về kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, dân tộc, tôn giáo nhằm xác lập những luận cứ khoa học, thực tiễn cho những quyết định, chủ trương của lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

Triển khai 06 dự án cấp Bộ thuộc Chương trình phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn các huyện trong tỉnh, trong đó đã tổng kết-nghiệm thu và đưa vào áp dụng thực tế đời sống sản xuất 03 dự án.

Quản lý và triển khai 90 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh theo 6 chương trình mục tiêu tổng hợp, trong đó đã tổng kết-nghiệm thu và đưa vào áp dụng thực tế đời sống sản xuất 56 đề tài, dự án;

Quản lý và triển khai mới 129 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp huyện, cấp ngành theo cơ chế hỗ trợ kinh phí 50/50 và 70/30, trong đó đã tổng kết-nghiệm thu và đưa vào áp dụng thực tế đời sống sản xuất 58 đề tài, dự án cấp huyện, cấp ngành.

b. Hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng tác động đến phát triển KT-XH tỉnh:

Giai đoạn 2011-2015, hoạt động nghiên cứu triển khai, ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ của các đề tài, dự án cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở đã có bước phát triển mạnh; Hoạt động đã hướng về cơ sở, nhất là vùng nông nghiệp, nông dân và nông thôn và phục vụ cho sự phát triển KT-XH địa phương từ tỉnh đến cơ sở; Hoạt động đã đóng góp ngày càng rõ nét vào việc nâng cao năng suất, chất lượng một số cây trồng, vật nuôi và sản phẩm hàng hoá chủ yếu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cụ thể như sau:

+ Trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Đồng Nai đã nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt theo hướng nông nghiệp công nghệ cao và đã có nhiều mô hình thành công tại Trung tâm Ứng dụng CNSH tỉnh Đồng Nai, hiện các mô hình này đang được nhân rộng cho doanh nghiệp và nông dân.

Triển khai 06 dự án cấp Bộ thuộc Chương trình nông thôn miền núi giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn các huyện của tỉnh với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách đối ứng của địa phương là 10.973,210 triệu đồng, đã huy động thêm hỗ trợ thêm từ nguồn vốn của TW là 4.320 triệu đồng và đóng góp của dân là 1.991,730 triệu đồng.

Triển khai 43 đề tài, dự án cấp tỉnh (chiếm 47,77%) và 13 đề tài, dự án cấp huyện (chiếm 10,07%); Tổng kết, ứng dụng 21 đề tài, dự án cấp tỉnh và Tổng kết, ứng dụng 04 đề tài, dự án cấp huyện ngành; Kết quả các đề tài, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp đã tạo ra được nhiều nhân tố mới tích cực, tạo ra được những mô hình, giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ các loài động, thực vật có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế. góp phần chuyển dịch mạnh về cơ cấu sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa gắn với thị trường, tăng thu nhập cho người nông dân và thực hiện phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

+ Trong lĩnh vực công nghiệp, công nghệ:

Đồng Nai tập trung đầu tư cho Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đã thực hiện kiểm toán năng lượng cho 05 doanh nghiệp và triển khai chương trình “Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn huyện Thống Nhất của tỉnh.

Triển khai 06 đề tài, dự án cấp tỉnh (chiếm 6,66%) và 35 đề tài, dự án cấp huyện, ngành (chiếm 27,13%); Tổng kết, ứng dụng 05 đề tài, dự án cấp tỉnh và Tổng

kết, ứng dụng 01 đề tài, dự án cấp huyện ngành; Kết quả các đề tài, dự án trong lĩnh vực công nghiệp, công nghệ phục vụ cho công tác chọn lọc công nghệ, cải tiến công nghệ phù hợp với điều kiện tỉnh nhà, nhất là công nghệ chế biến, điều tra tình hình công nghệ của địa phương, tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao. Kết quả đạt được của các đề tài, dự án lĩnh vực công nghiệp, công nghệ đã phục vụ thiết thực cho phát triển ngành sản xuất các ngành công nghiệp của tỉnh, phục vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+. Trong lĩnh vực phát triển công nghệ thông tin:

Đồng Nai cũng tiếp tục phát huy thế mạnh và đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách thủ tục hành chính. Bộ phận một cửa điện tử hiện đại trực thuộc Phòng Pháp chế là mô hình sáng tạo, mang lại hiệu quả cao trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai; Nghiên cứu, ứng dụng phần mềm E-school cho các Trường trung học cơ sở trên địa bàn các huyện trong tỉnh.

Triển khai và nhân rộng 148 Điểm thông tin KH&CN tại các xã, phường trong tỉnh và triển khai các chương trình công nghệ thông tin từ TW xuống địa phương.

Kết quả đã đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, đưa công nghệ thông tin về vùng nông thôn, phục vụ kiến thức người dân và góp phần phát triển hạ tầng công nghệ thông tin ở cơ sở; Huy động nguồn vốn của huyện đầu tư ở lĩnh vực này gần 05 tỷ đồng.

+. Trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng phát triển kinh tế, xã hội - nhân văn:

Đã triển khai 29 đề tài, dự án cấp tỉnh (chiếm 32,22%) và 33 đề tài, dự án cấp huyện, ngành (chiếm 25,58%); Tổng kết, ứng dụng 22 đề tài, dự án cấp tỉnh và Tổng kết, ứng dụng 17 đề tài, dự án cấp huyện ngành.

Kết quả đã góp phần bảo tồn và phát huy những truyền thống văn hóa - lịch sử, truyền thống cách mạng của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và Đồng Nai ngày nay, giới thiệu với đồng bào các tỉnh bạn và nhân dân thế giới về mảnh đất và con người Đồng Nai kiên cường bất khuất, là đối tác tin cậy trong quá trình hội nhập đồng thời cung cấp những luận cứ khoa học cho tỉnh, các huyện và thành phố Biên Hòa để xây dựng các chủ trương, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cũng như các biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện.

+. Trong lĩnh vực Y tế-Chăm sóc sức khỏe và Giáo dục-Đào tạo:

Triển khai 11 đề tài, dự án cấp tỉnh (chiếm 12,22%) và 01 đề tài, dự án cấp huyện, ngành (chiếm 0,77%); Tổng kết, ứng dụng 02 đề tài, dự án cấp tỉnh và Tổng kết, ứng dụng 28 đề tài, dự án cấp huyện ngành; Kết quả các đề tài trong lĩnh vực này tập trung nghiên cứu những phương pháp điều trị mới, giảm đau và đỡ tốn kém chi phí điều trị cho bệnh nhân.

+. Trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên-môi trường:

Triển khai 01 đề tài, dự án cấp tỉnh (chiếm 1,11%) và 02 đề tài, dự án cấp huyện, ngành (chiếm 1,55%); Tổng kết, ứng dụng 02 đề tài, dự án cấp tỉnh (chiếm 3,57%); Kết quả đã cung cấp các cơ sở khoa học cho việc quy hoạch, kế hoạch và hoạch định chính sách trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh về công tác quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và các giải pháp ngăn ngừa, khống chế ô nhiễm, cải thiện và bảo vệ môi trường.

- Đồng Nai đã triển khai và ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp khai khoáng và xử lý môi trường để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường. Công tác xử lý môi trường để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường:

+ Đối với nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được cơ sở sản xuất thu gom về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của cơ sở trước khi đầu nối, xử lý nước thải tập trung của KCN. Công nghệ xử lý nước thải cục bộ của cơ sở và của KCN chủ yếu xử lý hóa lý sơ bộ, sau đó xử lý sinh học, lắng, lọc, đối với nước thải có thành phần, tính chất phức tạp bổ sung quá trình xử lý oxy hóa bậc cao, sau đó khử trùng và xả thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Đối với khí thải phát sinh chủ yếu từ quá trình đốt nhiên liệu được thu gom, xử lý sơ bộ bằng cyclon lắng bụi, sau đó bổ sung quá trình xử lý bằng hấp thụ (bằng nước hoặc dung dịch xút, nước vôi trong) trước khi xả thải ra môi trường. Đối với khí thải là hơi dung môi, hóa chất được thu gom, xử lý phương pháp hấp thụ (than hoạt tính hoặc bằng điện).

+ Đối với chất thải rắn, hiện nay chủ yếu được xử lý bằng phương pháp phân loại, tái chế, sản xuất phân compost và chôn lấp hợp vệ sinh, các lò đốt chủ yếu để xử lý chất thải nguy hại. Năm 2012, tại khu xử lý Túc Trung do Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Đa Lộc làm chủ đầu tư đã đầu tư lò đốt chất thải sinh hoạt bằng lò đốt 01 cấp (02 buồng cháy), hạn chế chôn lấp chất thải sinh hoạt tiết kiệm diện tích đất.

- Thẩm định, lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt để thu hồi được năng lượng (phát điện), sản phẩm có ích (phân bón), cũng như giảm diện tích chôn lấp, tiết kiệm quỹ đất. Đối với chất thải rắn y tế áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường như khử khuẩn các chất thải lây nhiễm. Đối với việc xử lý chất thải nguy hại xử lý tập trung quy mô lớn, có thu hồi năng lượng.

- Đầu tư phát triển công nghệ quan trắc môi trường theo hướng tự động, liên tục; chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý các tình huống gây ô nhiễm:

- Hoàn thiện mạng lưới quan trắc trên địa bàn tỉnh, nâng cao năng lực quan trắc, nắm chắc diễn biến môi trường để có biện pháp xử lý ô nhiễm. Phối hợp với các địa phương trong lưu vực sông Đồng Nai triển khai thực hiện đề án bảo vệ.

1.4- Kết quả tập trung đầu tư hỗ trợ phát triển các sản phẩm trọng điểm có lợi thế so sánh của địa phương:

Đồng Nai đã ban hành Chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 2419/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai ngày 26/9/2011.

Mục tiêu của chương trình đến năm 2015 như sau:

1. Cây trồng chủ lực:

1.1. Cây công nghiệp: Đến năm 2015, xây dựng các vùng chuyên canh, sản xuất theo hướng GAP.

1.2. Cây ăn trái:

- Năm 2011: Khảo sát đất trồng và nước tưới nhằm qui hoạch vùng sản xuất an toàn tập trung. Các địa phương xây dựng các dự án cụ thể. Hỗ trợ nông dân tham gia Chương trình.

- Năm 2012: Hoàn thành khảo sát đất và nước, quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất an toàn tập trung. Tiếp tục hỗ trợ nông dân tham gia Chương trình. Có 10% diện tích vùng chuyên canh được áp dụng sản xuất theo hướng GAP.

- Năm 2013: Tiếp tục hỗ trợ nông dân tham gia Chương trình. Có 15% diện tích vùng chuyên canh được áp dụng sản xuất theo hướng GAP.

- Năm 2014: Tiếp tục hỗ trợ nông dân tham gia Chương trình. Có 20% diện tích vùng chuyên canh được áp dụng sản xuất theo hướng GAP.

- Năm 2015: Tiếp tục hỗ trợ nông dân tham gia Chương trình. Có 25% diện tích vùng chuyên canh được áp dụng sản xuất theo hướng GAP.

2. Vật nuôi chủ lực:

Hỗ trợ nuôi giữ đàn giống gốc:

Theo định hướng quy hoạch chăn nuôi đến 2015, tổng đàn heo trên địa bàn khoảng 1,8 triệu con (tăng khoảng 50% so với hiện tại). Để đảm bảo chất lượng đàn giống được ổn định và nâng cao, dự kiến đàn heo giống gốc sẽ tăng khoảng 10% mỗi năm.

- Năm 2011: Nuôi giữ 1.265 con heo và 2.000 con gà.

- Năm 2012: Nuôi giữ 1.430 con heo và 2.000 con gà.

- Năm 2013: Nuôi giữ 1.595 con heo và 2.000 con gà.

- Năm 2014: Nuôi giữ 1.765 con heo và 2.000 con gà.

- Năm 2015: Nuôi giữ 1.875 con heo và 2.000 con gà.

3. Xây dựng thương hiệu:

Đến năm 2015: Xây dựng được 17 thương hiệu sản phẩm nông nghiệp; trong đó có 03 thương hiệu sản phẩm đạt tiêu chuẩn GlobalGAP.

STT	Tên sản phẩm	Địa chỉ
1	Xoài Xuân Hưng	Xuân Lộc
2	Xoài La Ngà	Định Quán
3	Bưởi Tân Triều	Vĩnh Cửu
4	Chôm chôm Xuân Định	Xuân Lộc
5	Rau Tráng Dài	Biên Hòa
6	Rau Trường An	Xuân Lộc
7	Rau Gia Tân	Thống Nhất
8	Rau Tân Tiến	Xuân Lộc
9	Sầu riêng Long Khánh	Long Khánh
10	Mãng cầu xiêm Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ
11	Chuối Thanh Bình	Trảng Bom
12	Tiêu Xuân Lộc	Xuân Lộc
13	Tiêu Thanh Bình	Trảng Bom

14	Heo Phú Sơn	Trảng Bom
15	Điều Donafoods	Biên Hòa
16	Cá rô Tân Hạnh	Biên Hòa
17	Công ty CP Súc sản Đồng Nai	Biên Hòa

1.5- Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp:

a. Giai đoạn 2011-2015, Đồng Nai tổ chức triển khai Chương trình KH&CN hỗ trợ các doanh nghiệp/đơn vị nâng cao năng lực cạnh tranh; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và năng suất chất lượng; bảo hộ tài sản trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015 nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển bền vững các ngành, nghề, lĩnh vực đối với các sản phẩm, hàng hóa chủ lực tại địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã tiến hành hỗ trợ chuyên môn và kinh phí giúp các doanh nghiệp trong tỉnh mở rộng sản xuất, kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015 (được ban hành theo Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai).

Các nội dung hỗ trợ đề khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh đổi mới, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào trong sản xuất, kinh doanh như sau:

+Hỗ trợ các đơn vị nghiên cứu đầu tư, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, tiết kiệm năng lượng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh góp phần thực hiện thành công.

+Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu các công nghệ mới cũng như chuyển giao các công nghệ tiên tiến hiện đại, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, nghiên cứu chế tạo nguyên vật liệu mới hoặc sử dụng các nguyên vật liệu trong nước thay cho nhập khẩu, nghiên cứu thực hiện các dự án sản xuất sạch.

+Hỗ trợ các đơn vị thực hiện tư vấn đổi mới các trang thiết bị công nghệ, thực hiện tư vấn ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ứng dụng vào thực tế sản xuất, kinh doanh nhằm hướng tới các quy trình sản xuất sạch, ổn định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường.

+Hỗ trợ các đơn vị xây dựng và áp dụng các hệ thống tiên tiến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

+Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia, thông qua hoạt động giải thưởng giúp cho các doanh nghiệp đánh giá được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời tìm ra các giải pháp cải tiến hoạt động quản lý và nâng cao năng suất chất lượng tại doanh nghiệp.

+Hỗ trợ các đơn vị thực hiện kiểm toán năng suất chất lượng, kiểm toán năng lượng nhằm giúp cho các doanh nghiệp đánh giá hiệu quả sản xuất, sử dụng điện năng để áp dụng các biện pháp cải tiến phù hợp.

+Hỗ trợ các doanh nghiệp có những sáng chế, giải pháp hữu ích trong đó ưu tiên hỗ trợ cho các giải pháp đạt giải Hội thi sáng tạo kỹ thuật;....

Kết quả đã hỗ trợ cho 216 đơn vị, doanh nghiệp, trong đó có 63 đơn vị doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, xây dựng tiêu chuẩn hóa, công bố hợp quy sản phẩm hàng hóa và tham gia Giải thưởng chất lượng tỉnh Đồng Nai; 135 đơn vị doanh nghiệp được thực hiện bảo hộ tài sản Sở hữu trí tuệ, kiểu dáng công nghiệp, xây dựng website; 18 đơn vị doanh nghiệp được hỗ trợ thực hiện nghiên cứu sản phẩm mới, đổi mới công nghệ và tiết kiệm năng lượng. Ngoài ra Sở KH&CN cũng đã tiếp nhận 16 phiếu đăng ký do Sở Công thương chuyển qua từ Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015.

b. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã hướng dẫn và đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 02 doanh nghiệp báo cáo thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ doanh nghiệp (*Tổng Công ty cao su Đồng Nai và Công ty Sonadezi Đồng Nai*). 02 doanh nghiệp này đã trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ doanh nghiệp với tổng số vốn là 9,445 tỷ đồng. Đây cũng là nguồn lực đáng kể để đầu tư cho phát triển KH&CN của doanh nghiệp cũng như của xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Chiến lược KH&CN:

2.1- Giá trị TFP của địa phương:

Qua kết quả điều tra và đánh giá trong năm 2014, tỷ phần đóng góp của TFP vào GRDP trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có xu hướng tăng dần hàng năm: năm 2011 đạt 26,36%; năm 2012 đạt 27,93%; năm 2013 đạt 29,55%; dự ước năm 2014 đạt 30,62%; mức tăng trung bình giai đoạn 2011-2014 là 28,62% (*Mục tiêu đến năm 2015 là 31 - 32%*). Tốc độ tăng năng suất của các nhân tố tổng hợp là tỷ lệ tăng lên của kết quả sản xuất do nâng cao hiệu quả sử dụng vốn hoặc tài sản cố định và lao động, nhờ yếu tố tác động của các nhân tố đổi mới về công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải thiện quản lý và nâng cao trình độ của người lao động. Cụ thể như năm 2011 Giá trị tăng thêm 13,36% trong đó tài sản cố định tăng 21,43% làm cho tăng giá trị tăng thêm 6,3%, do lao động tăng 5,02% làm tăng giá trị tăng thêm là 3,54% và TFP tăng 3,52% (*Bảng tổng hợp số liệu 03*). Từ đó ta thấy mức độ đóng góp (tỷ phần) của các nhân tố đối với kết quả tăng lên của giá trị tăng thêm năm 2011 như sau;

Do tăng vốn làm tăng 6,3% ; $13,36 * 100 = 47,12\%$

Do tăng lao động làm tăng 3,54% ; $13,36 * 100 = 26,52\%$

Do tăng TFP làm tăng 3,52%; $13,36 * 100 = 26,36\%$

Có thể khẳng định việc nâng cao sự đóng góp của TFP vào GRDP có tác dụng đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các nhân tố quyết định đến chất lượng tăng trưởng như đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến hợp lý hóa tổ chức sản xuất, đổi mới quản lý, nâng cao trình độ lao động, nâng cao chất lượng, mẫu mã, tính cạnh tranh của sản phẩm ngày càng được chú trọng, tạo sự phát triển bền vững.

Xét về tỷ phần đóng góp, trong 2 yếu tố tài sản cố định và lao động, thì tỷ phần đóng góp của tài sản cố định vào kết quả tăng lên của GRDP qua các năm đóng góp khá cao; Tỷ phần đóng góp của TFP vào GRDP trên địa bàn năm sau cao hơn năm

trước từ 26,36% năm 2011; năm 2012 là 27,93%; năm 2013 là 29,55%; năm 2014 là 30,62% (năm 2015 chưa có số liệu).

Mặc dù những năm qua do cuộc khủng hoảng kinh tế đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nên mức vốn đầu tư thấp, nhưng nhờ linh hoạt trong việc đổi mới phương thức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ và phương pháp tổ chức quản lý, nhờ đó đã làm cho tỷ phần TFP đóng góp vào GRDP của tỉnh tiếp tục tăng.

2.2- Tỷ lệ % sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong giá trị sản xuất công nghiệp:

Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp tỉnh Đồng Nai được ban hành theo Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai. Đến nay tỉnh Đồng Nai đã xác định 03 nhóm ngành công nghiệp có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, giá trị gia tăng cao ưu tiên phát triển và thu hút đầu tư trong giai đoạn 2011-2015, gồm:

- Ngành công nghiệp điện - điện tử - công nghệ thông tin:

+ Tập trung ưu tiên cao các ngành sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong viễn thông, công nghệ thông tin (Viễn thông, Công nghệ thông tin); Thiết bị về điện tử; Thiết bị khoa học; Máy, thiết bị không dùng điện; Thiết bị tự động hóa; Vật liệu điện tử, quang tử; Gốm sứ kỹ thuật; Vật liệu nano; Vật liệu cho năng lượng; Công nghiệp hỗ trợ ngành điện - điện tử.

+ Công nghiệp hỗ trợ ngành điện - điện tử: Ưu tiên các ngành sản xuất linh kiện phụ tùng cho sản xuất, lắp ráp thiết bị văn phòng; sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử gia dụng; sản xuất máy móc thiết bị điện; giao tiếp truyền thông đa phương tiện; sản xuất vật liệu thuộc công nghệ vật liệu điện - điện tử; sản xuất, gia công phần mềm,...

- Ngành công nghiệp cơ khí:

+ Ưu tiên phát triển nhóm sản phẩm lĩnh vực công nghiệp môi trường, như: (1) Thiết kế và chế tạo dây chuyền xử lý chất thải (rắn, lỏng) bằng công nghệ sinh học; (2) Thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải tiên tiến khác.

+ Tập trung ưu tiên các ngành vật liệu kim loại, công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí, máy móc thiết bị, sản phẩm ngành cơ khí (cơ khí chính xác, thiết bị gia dụng, sản xuất các loại kết cấu kim loại,...).

+ Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí: Ưu tiên các ngành công nghiệp sản xuất động cơ, linh kiện phụ tùng cho công nghiệp ô tô, xe máy, chế tạo khuôn mẫu, đúc chi tiết, gia công phụ tùng máy công cụ và máy nông nghiệp, sản xuất cấu kiện kim loại phi tiêu chuẩn phục vụ thi công các công trình xây dựng công nghiệp,...

- Ngành công nghiệp hóa chất, cao su, plastic:

Ưu tiên sản phẩm công nghệ sinh học, đặc biệt trong ngành công nghiệp hoá phẩm, công nghiệp môi trường; các chủng loại sản phẩm hóa chất bảo vệ môi trường;

Các ngành vật liệu tiên tiến phục vụ cho nông nghiệp; Vật liệu tham gia vào khâu bảo quản nông sản; Vật liệu cho Y, Dược; Vật liệu polymer và composit.

Qua đó, kết quả đóng góp của nhóm ngành công nghiệp có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, giá trị gia tăng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh: Ước đến cuối năm 2014, cơ cấu GTSXCN của nhóm ngành công nghiệp có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, giá trị gia tăng cao chiếm khoảng 40,09% trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, tăng 4,29% so với năm 2010. Theo mục tiêu Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, đến năm 2015 tỷ trọng của nhóm ngành công nghiệp này phải đạt 44,4% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp. Như vậy, từ nay đến năm 2015, tỷ trọng nhóm ngành này phải tăng thêm 3,31% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp. Điều này, cho thấy sự đóng góp GTSX của nhóm ngành này vào tăng trưởng GTSX của toàn ngành công nghiệp là chưa tương xứng với sự chuyển dịch cơ cấu vốn đăng ký đầu tư trong thời gian qua. Nguyên nhân do nhiều dự án đăng ký đầu tư trong thời gian qua còn chậm triển khai, đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động và một số dự án chưa phát huy được hết công suất. Chi tiết được thể hiện qua biểu số liệu sau:

DVT: Tỷ đồng- giá hiện hành

Ngành	6 tháng đầu năm 2014	Ước năm 2014	Ước năm 2015
I. GTSX Công nghiệp toàn tỉnh	303.100	606.200	608.187
II. GTSX Nhóm CN mũi nhọn	119.577	249.062	259.923
1. Cơ khí	30.174	70.256	74.647
2. Điện - điện tử	52.578	105.156	109.538
3. Hóa chất, cao su, plastic	36.825	73.650	75.738
III. CC (%) so với toàn ngành	39,45	41,09	42,74

2.3- Tốc độ đổi mới công nghệ:

Kết quả điều tra hiện trạng công nghệ chung của tỉnh Đồng Nai năm 2014 đang nằm ở mức khá và tăng 0,01 so với cùng kỳ năm 2013, với hệ số năng lực công nghệ tổng (TCC) là 0,6726:

- Số lượng doanh nghiệp có hệ số năng lực công nghệ đạt mức tiên tiến: 145 doanh nghiệp; chiếm tỷ lệ 21,5%;

- Số lượng doanh nghiệp có trình độ công nghệ nằm ở mức khá: 338 doanh nghiệp; chiếm tỷ lệ 50%;

- Số lượng doanh nghiệp có trình độ công nghệ nằm ở mức trung bình: 160 doanh nghiệp; chiếm tỷ lệ 23,7 %;

- Số lượng doanh nghiệp có trình độ công nghệ lạc hậu: 33 doanh nghiệp; chiếm tỷ lệ 4.8%.

Trình độ công nghệ tiên tiến của tỉnh chủ yếu thuộc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tuy nhiên trong khu vực đầu tư nước ngoài vẫn còn nhiều doanh

nghiệp có trình độ công nghệ trung bình (44/160 doanh nghiệp), thậm chí có doanh nghiệp có công nghệ lạc hậu (5/33 doanh nghiệp).

Xét riêng các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước qua các năm thì hệ số năng lực công nghệ có hướng giảm nhẹ từ năm 2011 – 2012 và tăng từ năm 2012 - 2014, tuy nhiên hệ số năng lực về kỹ thuật, tổ chức vẫn xếp trong hàng tiên tiến (hệ số kỹ thuật cho thấy công suất của thiết bị công nghệ chưa được khai thác hết do nhu cầu thị trường giảm sút). Theo thống kê điều tra cho thấy trình độ công nghệ của doanh nghiệp trong nước đã vươn lên mức tiên tiến, có khả năng cạnh tranh với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kết quả này đã xác nhận được hiệu quả của các chính sách hỗ trợ tăng năng suất chất lượng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh Đồng Nai thực hiện thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

2.4- Thị trường khoa học và công nghệ từng bước phát triển:

- Đồng Nai đã thực hiện thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ từ những kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ thông qua việc tổ chức và tham gia Chợ công nghệ và thiết bị trong phạm vi tỉnh, khu vực và cấp Quốc gia. Các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng ở lĩnh vực công nghệ thông tin tiếp tục được nhân rộng trong và ngoài tỉnh như: Hệ thống quản lý và điều hành các Trường THCS trong tỉnh, Hệ thống M-Office; Phần mềm quản lý một cửa huyện Cẩm Mỹ; Xây dựng Cổng thông tin; Hệ thống bảo mật thông tin; Trung tâm tích dữ liệu phát triển gần 100 máy chủ với hơn 150 khách hàng trong tỉnh, ngoài tỉnh...

- Tổ chức thành công Hội thảo-Hội chợ-Triển lãm với chủ đề : “*Phát triển, kết nối và thu hẹp khoảng cách số hướng đến chính quyền điện tử - Đồng Nai 2012*” và hội thảo “*Khoa học xã hội và phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ*”.

- Mô hình “Ngày Hội đồng ruộng tỉnh Đồng Nai” và “Ngày Hội Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai” là hình thức sinh động trong việc đưa khoa học và công nghệ đến với cộng đồng một cách thiết thực, hiệu quả.

Đồng Nai đã phát triển mô hình tổ chức Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart) nông thôn trên địa bàn các huyện thành ngày hội ruộng đồng hàng năm. Đây là một mô hình đặc trưng và có hiệu quả nhằm giới thiệu, phổ biến rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ, các ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế-xã hội các vùng nông thôn. Người dân có thể trực tiếp trao đổi với các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà cung cấp về các vấn đề liên quan trong thực tế sản xuất và đời sống.

2.5- Số doanh nghiệp đã được cấp hoặc đang hoàn thiện hồ sơ để cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN:

Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã triển khai, hướng dẫn và đến năm 2014 trên địa bàn tỉnh đã có 01 đơn vị được cấp giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp KH&CN, vốn điều lệ hoạt động ban đầu là 5 tỷ đồng (*Công ty CP Công nghệ nhiệt mặt trời*).

2.6- Tổng đầu tư ngân sách nhà nước về KH&CN (bao gồm cả kinh phí sự nghiệp và đầu tư phát triển)/Tổng đầu tư xã hội:

- Tổng đầu tư ngân sách nhà nước về Khoa học và Công nghệ Đồng Nai luôn được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ của Bộ Khoa học và công nghệ và của tỉnh, hàng năm kinh phí đầu tư cho KH&CN từ ngân sách nhà nước luôn tăng dần hàng năm.

Tổng đầu tư ngân sách nhà nước về Khoa học và Công nghệ Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 như sau:

+. Về đầu tư phát triển KH&CN:

Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo cho địa phương với tổng là 358.000 triệu đồng (*năm 2015 Đồng Nai chưa nhận được văn bản thông báo của Bộ*); Địa phương phân bổ cho 12 dự án đầu tư phát triển KH&CN do Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai làm chủ đầu tư là 302.257 triệu đồng (đạt 84,00% so với thông báo của Bộ), trong đó đã hoàn thành và đưa vào sử dụng có hiệu quả trong thực tế 07 dự án

+. Về đầu tư kinh phí sự nghiệp khoa học:

Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo cho địa phương với tổng là 235.620 triệu đồng (*năm 2015 Đồng Nai chưa nhận được văn bản thông báo của Bộ*); Địa phương phân bổ là 403.562 triệu đồng (cao hơn mức thông báo của Bộ khoảng 71,27%).

- Bên cạnh đó, việc thực hiện đổi mới và triển khai có hiệu quả các cơ chế tài chính hỗ trợ kinh phí 50/50 và 70/30 thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp huyện, cấp ngành có tính khả thi cao cũng đã đảm bảo hoạt động KH&CN ở cấp huyện, cấp ngành có chất lượng, hiệu quả cao hơn, góp phần phát triển KT-XH địa phương, phát triển hoạt động của ngành; Chính các cơ chế này đã có tác động khuyến khích các huyện chủ động trong việc soát xét tính khả thi của từng đề tài, dự án vì kinh phí khoa học công nghệ của tỉnh hỗ trợ cho huyện bao nhiêu là do chủ tịch UBND huyện quyết định, không phải do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định. Qua đó, ngoài nguồn vốn ngân sách từ kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh đầu tư, đã huy động thêm các nguồn vốn của huyện, ngành và đóng góp của dân là 24.915 triệu đồng. Ngoài ra, việc triển khai các dự án nông thôn miền núi (dự án cấp Bộ) không những góp phần phát triển KT-XH ở các huyện mà còn huy động thêm hỗ trợ thêm từ nguồn vốn của TW là 4.320 triệu đồng và đóng góp của dân là 1.991,730 triệu đồng.

2.7- Quản lý sở hữu trí tuệ:

Hoạt động Sở hữu trí tuệ đã được tổ chức đồng bộ từ khâu giáo dục, phổ biến hỗ trợ thực thi và kiểm tra ngăn chặn xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Nổi bật trong lĩnh vực này là Đồng Nai tổ chức được Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra quyền Sở hữu trí tuệ, qua đó đã góp phần ngăn chặn xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Tư vấn cho 400 đơn vị với 1.249 hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, trong đó gồm: 23 sáng chế, 09 giải pháp hữu ích, 68 kiểu dáng công nghiệp và 1.149 nhãn hiệu hàng hóa.

- Đã cấp 1.748 văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp, trong đó gồm: 12 sáng chế, 12 giải pháp hữu ích, 95 kiểu dáng công nghiệp và 1.629 nhãn hiệu hàng hóa

- Ngoài ra bằng nguồn ngân sách địa phương Sở KH&CN đã thực hiện đề tài “Xác lập quyền Chỉ dẫn địa lý Tân Triều cho sản phẩm bưởi đường lá cam và bưởi ôi

của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai” (năm 2009), đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận bảo hộ Chỉ dẫn địa lý “Tân Triều” cho sản phẩm quả bưởi ôi và bưởi đường cam; đề tài “Xác lập quyền với chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho sản phẩm chôm chôm của thị xã Long Khánh – tỉnh Đồng Nai” đã tổng kết nghiệm thu đề tài và chuẩn bị nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận bảo hộ Chỉ dẫn địa lý.

2.8- Quản lý công nghệ:

Hoạt động quản lý công nghệ được chú trọng theo hướng ngăn chặn kịp thời những công nghệ yếu kém, công nghệ lạc hậu được đưa vào địa phương. Trong 5 năm qua (2011-2015, Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã thẩm định 25 dự án đầu tư; Cấp 45 Giấy chứng nhận hợp đồng chuyên giao công nghệ; Góp ý và xác minh công nghệ cho hơn 44 dự án đầu tư vào tỉnh Đồng Nai và tổ chức nhiều cuộc hội thảo trao đổi kinh nghiệm, mô hình tổ chức công tác QLNN về công nghệ; Hội thảo giới thiệu công nghệ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai đã chủ động điều tra hiện trạng công nghệ hàng năm để kịp thời tham mưu UBND và cung cấp số liệu cho các Sở, ban, ngành hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai. Tham mưu UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án “Tổng điều tra và xây dựng cơ sở dữ liệu về đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2015” tại Quyết định số 3483/QĐ-UBND ngày 30/10/2014, để kịp thời xây dựng lại ngân hàng dữ liệu về hiện trạng công nghệ của các doanh nghiệp phục vụ cho công tác quản lý, nghiên cứu hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai, đồng thời tạo nền tảng cho việc phân tích, đề xuất phương hướng hướng đầu tư, phát triển công nghệ tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020.

2.9- Quản lý an toàn bức xạ hạt nhân:

Hoạt động quản lý an toàn bức xạ cũng có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng bảo vệ sức khỏe người dân. Song song với hoạt động cấp phép là hoạt động kiểm tra định kỳ, đột xuất những cơ sở có sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị X-quang tại các phòng khám, cơ sở y tế.

Kết quả đã tiến hành cấp phép an toàn bức xạ cho 96 cơ sở (sở hữu trên 175 thiết bị bức xạ); Thanh kiểm tra 339 cơ sở, qua đó phát hiện 74 cơ sở vi phạm về lĩnh vực an toàn bức xạ.

Triển khai cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ và xác nhận kế hoạch ứng phó sự cố cho tất cả các cơ sở X-quang y tế; Tổ chức 12 lớp tập huấn về an toàn bức xạ, nhằm cập nhật kiến thức cho trên 650 nhân viên bức xạ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Xây dựng hoàn tất 100% Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Thực hiện triển khai ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh hàng năm.

Bên cạnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ cũng đã tham mưu và được UBND phê duyệt địa điểm xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường Văn bản số 9791/UBND ngày 16/10/2014, nhằm đánh giá hiện trạng phóng xạ, kiểm soát và hạn chế ảnh hưởng của suất liều cao ở một số vùng có khu công nghiệp, mỏ đá, suối khoáng, quặng granite... trên địa bàn tỉnh. Đồng thời giúp cho tỉnh có cơ sở để quy hoạch và phát triển công nghiệp, du lịch, khai thác hiệu quả tài nguyên,

khoáng sản phù hợp với tiềm năng của tỉnh, cảnh báo sớm về những thiệt hại môi trường, tiềm năng có thể xảy ra.

2.10- Công tác Quản lý tiêu chuẩn-đo lường chất lượng, thanh tra KH&CN cũng đã tạo nên bước phát triển mới cả chiều rộng và chiều sâu, có nhiều đổi mới mang lại hiệu quả thiết thực góp phần sự phát triển kinh tế-xã hội chung của tỉnh.

2.11- Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ KH&CN khác:

a. Triển khai Chương trình đưa thông tin KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nông nghiệp, nông thôn và phục vụ người nông dân:

- Triển khai Chương trình đưa thông tin khoa học và công nghệ đến các xã, phường, thị trấn trong tỉnh; Kết quả đã được triển khai và nhân rộng 148 điểm thông tin KH&CN tại các Trung tâm học tập cộng đồng tại ở các xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Tại mỗi điểm được đầu tư 01 Thư viện điện tử công nghệ nông thôn và 01 website cho xã; tổ chức đào tạo cán bộ quản lý cho các Điểm thông tin KH&CN; Nâng cao hiệu quả hoạt động Điểm thông tin KH&CN bằng cách đổi mới cơ chế quản lý, góp phần nhân rộng nhanh các Điểm thông tin KH&CN trên địa bàn Tỉnh; Hàng tuần cập nhật thông tin thị trường nông sản; dự báo thời tiết; tình hình dịch bệnh trong nước.

- Triển khai Chương trình đưa đường truyền Internet băng thông rộng về các địa phương vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa; Duy trì và phát triển dịch vụ ADSL bằng công nghệ VSAT-IP tại 53 trạm VSAT-IP tại các xã; trong đó đã chuyển đổi sang Vinasat VN cho 42 đơn vị.

- Hàng năm, kịp thời phát hành 06 số Tập san Thông tin khoa học công nghệ (1.000 cuốn/số); Phát hành 12 số Bản tin khoa học và ứng dụng (5.000 bản/số) và 12 số Bản tin hoạt động Văn phòng thực hiện Đề án hàng rào kỹ thuật thương mại tỉnh Đồng Nai (TBT) (1.000 bản/số).

Chương trình đã góp phần đáp ứng yêu cầu cung cấp kiến thức thông tin KH&CN, đáp ứng giao dịch trong phát triển sản xuất, đời sống của người dân và phục vụ phát triển KT-XH nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

b. Triển khai các phong trào hội thi khoa học và công nghệ:

Các phong trào hội thi sáng tạo kỹ thuật, hội thi lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai triển khai rộng khắp và ở nhiều lĩnh vực. Nhiều giải pháp tham gia dự thi hội thi sáng tạo kỹ thuật, hội thi lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, được ứng dụng rộng rãi và đạt được nhiều giải thưởng của Trung ương.

Trong 5 năm qua, Đồng Nai đã có 1.525 giải pháp đăng ký tham gia hội thi sáng tạo kỹ thuật và đã có 527 giải pháp đạt giải. Ngoài hội thi sáng tạo kỹ thuật, hội thi lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Ngoài ra, Đồng Nai còn có thêm 08 phong trào hội thi về công nghệ thông tin, truyền thông khoa học công nghệ, hội thi tìm hiểu lịch sử - văn hóa địa phương nhằm thúc đẩy phong trào cộng đồng tham gia vào các hoạt động khoa học và công nghệ,

trong đó hội thi tìm hiểu lịch sử - văn hóa địa phương đã thu hút gần 22 ngàn lượt người tham gia, tạo nên một sân chơi trí tuệ bổ ích trong xã hội.

c. Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ:

- Hoạt động hợp tác cũng được Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai quan tâm thực hiện nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của địa phương. Trung tâm Phát triển Phần mềm tỉnh Đồng Nai đã được báo chí Nhật Bản tuyên truyền cho Chương trình hợp tác giữa Đồng Nai và Công ty phần mềm của Nhật Bản.

- Hợp tác với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hoàn chỉnh Đề án Bảo tàng Khoa học và Thiên nhiên.

- Hợp tác với Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN (Bộ Khoa học và Công nghệ) và Trung tâm Quy hoạch (Sở Xây dựng tỉnh) lập Đề án Quy hoạch Thành phố Khoa học trên nền tảng phát triển Trung tâm Trung tâm Ứng dụng CNSH tỉnh Đồng Nai.

- Hợp tác với Viện nghiên cứu kinh tế phát triển (Đại học Kinh tế TpHCM) thực hiện Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

d. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực KH&CN:

Giai đoạn 2011 - 2015, nguồn nhân lực của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã có sự tăng cường đáng kể. Năm 2011 Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai có 196 cán bộ công chức, viên chức, trong đó có 01 phó giáo sư, tiến sĩ, 11 thạc sĩ, 15 đang học thạc sĩ, 19 CBCC, VC có trình độ đại học cao đẳng. Thì đến nay, Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã phát triển lên 226 cán bộ công chức, viên chức, trong đó có 01 phó giáo sư, tiến sĩ, 41 thạc sĩ, 05 đang học nghiên cứu sinh, 31 đang học thạc sĩ, 118 CBCC, VC có trình độ đại học cao đẳng. Đã cử 09 CBCC đi đào tạo nước ngoài và trên 300 lượt CBCC, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ các khóa chuyên môn về QLNN, cao-trung lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học,...

Đồng Nai, ngoài việc quan tâm đào tạo CBCCVC của Sở, còn giữ vai trò Chủ nhiệm Chương trình đào tạo sau đại học của tỉnh. Đến nay đã và đang đào tạo được 1.303 người, trong đó 94 tiến sĩ, 1.006 thạc sĩ, 173 bác sĩ chuyên khoa 1 và 23 Bác sĩ chuyên khoa 2.

e. Ngoài ra, không chỉ chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm trên lĩnh vực phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ và quản lý nhà nước về KH&CN ở các lĩnh vực; Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai còn tổ chức các hoạt động thi đua lập thành tích gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM cũng được quan tâm đặc biệt. Nhân tố mới là triển khai mô hình điển hình trong tháng của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai được duy trì đều đặn và trở thành mô hình hay của ngành khoa học và công nghệ trong việc khen thưởng kịp thời những cá nhân có nhiều nỗ lực trong công tác.

III. Đánh giá khái quát những thành tựu và hạn chế trong hoạt động KH&CN của giai đoạn 2011-2015:

Nhìn chung trong 5 năm qua (2011-2015), mặc dù vẫn còn gặp không ít những khó khăn về tình hình kinh tế-xã hội chung của cả nước và của tỉnh như: tình hình KT-XH thế giới còn diễn biến phức tạp; ảnh hưởng của lạm phát vẫn còn; giá cả thị trường còn biến động theo xu hướng tăng; Đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của địa phương tuy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt ra;... Nhưng tập thể lãnh đạo và CBCC của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã quyết tâm cao và đoàn kết thống nhất trong mọi hoạt động, luôn bám sát các nội dung của Nghị quyết 20 ngày 11/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020; Quyết định 1244/QĐ-TTg ngày 25/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết IX Đảng bộ tỉnh và các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Từ đó hoạt động Khoa học và Công nghệ của địa phương luôn được phát huy, phát triển mạnh mẽ; Tập trung, đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ đã được tỉnh giao hàng năm và đáp ứng được yêu cầu theo các văn bản chỉ đạo của TW và địa phương với tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực và với những giải pháp phù hợp, thiết thực góp phần vào sự nghiệp thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh giai đoạn 2011-2015; đồng thời cũng tạo điều kiện và tiền đề cho việc góp phần thực hiện có hiệu quả, thắng lợi các định hướng, mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển KT-XH của kế hoạch 5 năm tới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

Đánh giá nguyên nhân-thành tựu đạt được và những tồn tại-hạn chế:

1.- Nguyên nhân thành tựu đạt được:

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của TW và địa phương nêu trên là cơ sở khoa học vững chắc để địa phương triển khai thực hiện các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2015 và xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020.

- Các nội dung, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của Sở đề xuất luôn được sự quan tâm, hỗ trợ và chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các ngành liên quan ở tỉnh cũng là điều kiện thuận lợi để thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch của Sở đã đề ra

- Trong hoạt động đã có sự chủ động, kịp thời gắn kết và phối hợp thống nhất chặt chẽ giữa Sở với các cấp, các ngành liên quan trong và ngoài tỉnh.

- Tập thể BGĐ Sở và CBCC của Sở đã có sự đoàn kết, thống nhất và tập trung cao độ trong triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động KH&CN của Sở đã đề ra.

2.- Nguyên nhân tồn tại - hạn chế:

- Đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của tỉnh trong những năm qua tuy đã được Bộ Khoa học và Công nghệ và tỉnh quan tâm, hỗ trợ có tăng hàng năm, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, theo kế hoạch và những yêu

cầu bức xúc của thực tế, nhiều nhiệm vụ KH&CN trọng điểm vẫn không thể triển khai được.

- Đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, trên đại học của tỉnh ngày càng tăng; nhưng số người có trình độ chuyên môn làm công tác nghiên cứu triển khai, ứng dụng KH&CN chưa nhiều; trong đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu, triển khai, ứng dụng KH&CN của tỉnh có nhiều người có kinh nghiệm thực tiễn, nhưng rất ít người có trình độ cao, chuyên gia giỏi; Môi trường đề trí thức tham gia hoạt động KH&CN chưa thực sự thuận lợi; tỉnh và các địa phương, các cơ quan, đơn vị đã có nhiều nỗ lực nhưng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, triển khai về KH&CN chưa đáp ứng yêu cầu.

- Nguồn vốn ban đầu của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai để chủ động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN trong thời gian qua chưa được bố trí, nên chưa thể triển khai thực hiện. Trong kế hoạch năm 2015, nguồn vốn ban đầu của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai mới được tỉnh bố trí 5 tỷ đồng để đưa vào triển khai thực hiện ở địa phương.

3.- Những bài học kinh nghiệm:

3.1. Đưa được mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể phát triển khoa học và công nghệ vào Nghị quyết hàng năm và nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy.

3.2. Xác định chiến lược, chiến thuật và lựa chọn được hướng đi đúng đắn phù hợp với từng thời kỳ. Giai đoạn 2004-2015, mục tiêu và nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt ra trong chiến lược phát triển là:

+. Tập trung đầu tư phát triển tiềm lực khoa học trong 2 lĩnh vực ưu tiên là: phát triển nông nghiệp và thực hiện cải cách hành chính hướng tới chính phủ điện tử.

+. Xác định 3 chương trình mũi nhọn là: Công nghệ thông tin; Công nghệ sinh học và Đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

+. Bên cạnh việc tập trung phát triển theo chiều sâu cho 2 lĩnh vực ưu tiên và 3 Chương trình mũi nhọn trên, để phát triển theo chiều rộng Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã xây dựng các Chương trình tác động gây hiệu ứng để huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động khoa học và công nghệ để tạo vừa có động lực vừa có sức mạnh tổng hợp phát triển khoa học công nghệ góp phần tích cực vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

+. Đổi mới quản lý hoạt động khoa học công nghệ theo hướng xóa bỏ cơ chế xin cho và huy động nguồn lực các ngành, các cấp tham gia vào việc nghiên cứu ứng dụng để phát huy hiệu quả các Chương trình khoa học công nghệ của tỉnh.

3.3. Tham mưu phân quyền cho Giám đốc Sở chủ động hơn so với quy định của Trung ương trong việc điều hành hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh. Thí dụ như Giám đốc Sở làm Chủ tịch Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh, Giám đốc Sở được quyền quyết định đề tài cấp bách có kinh phí dưới 650 triệu.

3.4. Đổi mới quản lý việc triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học: Thực hiện đổi mới quản lý việc triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học được xét chọn một cách minh bạch, công khai theo hướng xóa bỏ hẳn “cơ chế xin cho”, thực hiện theo

các chương trình mục tiêu nhằm lựa chọn đề tài, dự án gắn với nhu cầu thực tế của sản xuất, đời sống và thực hiện mô hình Hội đồng khoa học 3.3 gồm các nhà khoa học ở Đồng Nai và 02 Trung tâm khoa học lớn là thành phố HCM và thủ đô Hà Nội (3 thành viên ở Đồng Nai, 3 thành viên tại TP. HCM và 3 thành viên tại Hà Nội) để huy động nguồn lực các ngành và các nhà khoa học Hà Nội và TP. HCM tham gia vào các chương trình khoa học công nghệ của tỉnh. Qua đó đã gắn kết nghiên cứu với thực tế sản xuất và đời sống nâng cao chất lượng xem xét, giám định kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

Đối với nông nghiệp, nông thôn: Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ mời các Sở ban, ngành, các viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học về huyện để tổ chức 11 hội thảo KH-CN tại 11 huyện nhằm xác định nhu cầu, nhiệm vụ KH-CN và xác định các giải pháp hỗ trợ cho nông nghiệp, nông thôn. Các hội thảo hằng năm này giúp các viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học nắm rõ nhu cầu của nông nghiệp, nông thôn và giúp nông dân nắm rõ được thành quả và năng lực nghiên cứu của các viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học. Đồng thời Sở áp dụng cơ chế tài chính 50/50 (dự án, đề tài khoa học công nghệ cấp huyện được Sở hỗ trợ 50% kinh phí và 50% kinh phí còn lại là của huyện) đã có tác động tích cực trong việc huy động nhân lực của các huyện tham gia vào việc nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các đề tài, dự án khoa học công nghệ thực tế trên địa bàn các huyện. Ngoài nguồn vốn ngân sách sự nghiệp khoa học tỉnh đầu tư, đã huy động thêm từ nguồn vốn của huyện, ngành và dân đóng góp hơn 20 tỷ đồng.

Đối với ngành giáo dục đào tạo, y tế và an ninh quốc phòng: Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng cơ chế tài chính 70/30 (Dự án, đề tài khoa học công nghệ cấp ngành được Sở được hỗ trợ 70% kinh phí và 30% kinh phí còn lại là của ngành). Cơ chế tài chính này đã có tác động tích cực trong việc huy động nhân lực của các ngành tham gia vào việc nghiên cứu, mang lại những đề tài, dự án có địa chỉ ứng dụng cụ thể, sát với thực tế của ngành.

3.5. Tập trung nghiên cứu thực hiện một số sản phẩm, dịch vụ khoa học công nghệ có hàm lượng chất xám cao, mang tính cạnh tranh và thương mại để góp phần tạo lập thị trường khoa học công nghệ, đồng thời tạo uy tín, lòng tin của tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để tăng đầu tư cho khoa học và công nghệ.

+ Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của Sở (Data Center) đạt các tiêu chuẩn quốc tế TIA-942 (TIA:Telecommunications Industry Association- Hiệp hội công nghiệp viễn thông) về trung tâm tích hợp dữ liệu, và đã đạt được các yêu cầu về an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2005, có trình độ công nghệ và nhân lực thực hiện được các dịch vụ gia tăng trên Internet, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cao cho việc hosting, lưu trữ và sao lưu dữ liệu các Cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin trong tỉnh mà còn đáp ứng được nhu cầu cho các cơ quan, doanh nghiệp ngoài tỉnh hoạt động ổn định và hiệu quả. Đây là Trung tâm duy nhất trong ngành khoa học công nghệ địa phương thực hiện được các dịch vụ gia tăng trên Internet;

+ Xây dựng với hơn 60.000 công nghệ nông thôn toàn văn, hơn 40.000 câu hỏi đáp khoa học, hơn 3.000 phim khoa học. Đồng thời xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên đề thiết thực cho người dân, như CSDL 200 câu hỏi - đáp về dịch hại trên cây trồng và cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; CSDL 21 loại cây ăn trái có lợi thế cạnh tranh và xuất khẩu.

+ Xây dựng, vận hành, nhân rộng mô hình văn phòng điện tử di động M-Office (Mobile Office) và nâng cấp thành I-Office để tăng cường sức mạnh của người quản lý bằng cách giao việc và thu hồi các ý kiến xử lý công việc qua mạng, liên kết nhiều người cùng tham gia vào một công việc trong các luồng.

+ Xây dựng các phần mềm chuyên dụng phục vụ tác nghiệp và có giá trị thương mại cao như: Phần mềm chữ ký điện tử, mã hóa dữ liệu (khóa USK); Công an toàn thông tin trên công nghệ cách ly phi chuẩn (NSSP); Phần mềm Quản lý trực tuyến các đề tài, dự án; Phần mềm chấm công; Chương trình quản lý khoa học công nghệ trực tuyến trong các lĩnh vực quản lý tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; Đăng ký Hội thi Sáng tạo kỹ thuật... đã góp phần thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000:2008.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống VSAT IP để đưa internet băng thông rộng đến tất cả các xã. Mục tiêu của Chương trình là đảm bảo 100% trung tâm các xã đều có internet băng thông rộng, ngoài ra chương trình còn có ý nghĩa cả về kinh tế và chính trị xã hội to lớn, đảm bảo quyền được hưởng thụ các sản phẩm Công nghệ thông tin và truyền thông, góp phần nâng cao dân trí.

+ Hỗ trợ cho Trường Đại học Lạc Hồng đề tài “ Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo Robot lau kính” làm tiền đề cho việc phát triển robot com sau này

+ Xây dựng một hệ thống trao đổi và cập nhật thông tin 2 chiều giữa tỉnh, huyện và xã để cung cấp thông tin công nghệ theo yêu cầu giúp cư dân nông thôn tiếp cận và lựa chọn nguồn cung công nghệ phù hợp. Triển khai và nhân rộng 142 Điểm thông tin KH&CN tại các xã, phường trong tỉnh, đưa công nghệ thông tin về vùng nông thôn, phục vụ kiến thức người dân và góp phần phát triển hạ tầng công nghệ thông tin ở cơ sở.

3.6. Xây dựng được mối quan hệ tin tưởng của các sở ban ngành có ảnh hưởng đến hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Nội vụ của tỉnh.

3.7. Tập trung xây dựng và phát triển Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trở thành nơi ươm mầm, nuôi dưỡng và cho ra đời những Trung tâm mới như Trung tâm Phát triển phần mềm, Trung tâm Ứng dụng CNSH. Hiện nay đang ươm mầm Trung tâm Tư vấn và Đào tạo khoa học công nghệ, Trung tâm Chiếu xạ, Bảo tàng khoa học.

3.8. Việc xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai không chỉ đầu tư chiều sâu trong phạm vi quản lý trực tiếp của Sở mà còn có tác động phát triển theo chiều rộng thông qua xây dựng các chương trình tạo hiệu ứng huy động nguồn lực xã hội xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ.

3.9. Xây dựng Đề án Phát triển năng suất chất lượng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 – 2015 để hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp trong việc nâng cao năng suất chất lượng, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh, gắn liền khoa học và công nghệ với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương. Đề án với 3 Chương trình cụ thể là:

+ Chương trình 1: Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai xây dựng và áp dụng các Hệ thống quản lý tiên tiến và đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn hóa, cải tiến chất lượng phục vụ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

+ Chương trình 2: Phát triển tài sản trí tuệ của Doanh nghiệp;

+ Chương trình 3: Hỗ trợ Doanh nghiệp tăng cường nghiên cứu, đầu tư đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển giao công nghệ và tiết kiệm năng lượng. Trong đó thực hiện điều tra hiện trạng công nghệ trên địa bàn tỉnh và cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu năng lực công nghệ của tỉnh để giúp doanh nghiệp theo dõi được trình độ doanh nghiệp mình đang ở mức nào trong mối tương quan với các doanh nghiệp khác cùng ngành nghề tạo động lực đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp.

+ Triển khai các đề tài, dự án hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tạo ra sản phẩm mới:

- Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị, sản phẩm nhập khẩu nhằm đổi mới công nghệ thông qua 05 đề tài/dự án của Công ty TNHH một thành viên VYKYNO. Sản phẩm của các đề tài này là tạo ra được những sản phẩm có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế, các chủng loại máy RV và các dòng sản phẩm đã bán ra thị trường trong nước cũng như ở nước ngoài như động cơ RV 145 gần 2.000 máy; RV 195 gần 1.000 máy; AVY 90 gần 500 máy; RV 225 gần 200 máy; RV 315.

- Thực hiện kiểm toán năng lượng cho 14 doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh kiểm toán với giải pháp đầu tư tiết kiệm năng lượng nhằm giúp các doanh nghiệp tiết kiệm 6,5 triệu KWh điện/năm và 345,7 tấn/năm dầu DO; tương đương 12,27 tỷ đồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp 03 doanh nghiệp thiết kế cải tiến thiết bị công nghệ, dây chuyền công nghệ trong ngành giày dép, cao su màu như giải pháp công nghệ cắt, khắc lade trong pha cắt vật liệu sản xuất giày dép; cải tiến máy rửa khay chén tự động, ...nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao mức độ tự động hóa

+ Phát triển mô hình tổ chức Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart) nông thôn trên địa bàn các huyện thành ngày hội ruộng đồng.

3.10. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ cán bộ công chức viên chức thông qua việc tạo thêm công việc có thu nhập cho CBCC,VC.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KH&CN GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. DỰ BÁO NHỮNG CƠ HỘI THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN THÁCH THỨC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2016-2020:

1. Cơ hội thuận lợi:

- Đảng và Nhà nước luôn coi trọng sự nghiệp phát triển KH&CN, Đại hội XI, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “*Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ*

ngành và hội nhập quốc tế”; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 đều tiếp tục khẳng định phát triển KH&CN cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực cho CNH-HĐH đất nước.

Cụ thể hóa các Nghị quyết, Quyết định của Đảng và nhà nước nêu trên; Tỉnh ủy và UBND tỉnh Đồng Nai cũng đã ban hành các nghị quyết, quyết định, kế hoạch và ban hành một số cơ chế, chính sách thực hiện nhiệm vụ phát triển KH&CN của tỉnh tới từ nay đến năm 2020, đặc biệt trong đó các chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển KH&CN đã đề ra theo Kế hoạch số 155-KH/TU về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) chính là cơ sở khoa học và là kim chỉ nam cho sự nghiệp phát triển KH&CN trong giai đoạn tới.

- Trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế, với đường lối đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế của nước ta, Đồng Nai có cơ hội thuận lợi để tiếp thu tri thức khoa học, công nghệ, các nguồn lực và kinh nghiệm tổ chức quản lý tiên tiến của nước ngoài để nhanh chóng tăng cường năng lực KH&CN, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng KH&CN hiện đại, Đồng Nai có thể đi thẳng vào những công nghệ hiện đại để rút ngắn quá trình CNH-HĐH và khoảng cách phát triển kinh tế so với cả nước, giành lấy vị trí tiên phong tiến tới đạt mục tiêu trở thành tỉnh CNH-HĐH so với vùng. Với tiềm năng trí tuệ dồi dào, nếu có một chiến lược phát triển nguồn nhân lực đúng đắn, Đồng Nai có thể sớm đi vào một số lĩnh vực công nghệ cao của kinh tế tri thức.

- Quá trình đổi mới đất nước, của vùng đã tạo ra những tiền đề mới cho sự phát triển KH&CN của tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới. Kinh tế Đồng Nai có tốc độ tăng trưởng cao, liên tục trong thời gian qua là điều kiện thuận lợi để tăng đầu tư cho phát triển KH&CN; đồng thời thúc đẩy đổi mới công nghệ và ứng dụng thành tựu KH&CN trong kinh tế, nhất là trước sức ép về cạnh tranh trong điều kiện hội nhập ngày càng sâu vào khu vực và quốc tế.

2. Khó khăn thách thức:

- Trong bối cảnh phát triển năng động và khó dự báo cả về KH&CN và kinh tế của thế giới hiện đại, khả năng nắm bắt thời cơ và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài tùy thuộc nhiều vào trình độ và năng lực KH&CN của quốc gia và của tỉnh. Thách thức lớn nhất đối với sự phát triển KH&CN Đồng Nai hiện nay là phải nâng cao nhanh chóng năng lực KH&CN để thực hiện quá trình CNH-HĐH rút ngắn, trong điều kiện kinh tế còn nghèo, vốn đầu tư hạn hẹp, trình độ phát triển kinh tế và KH&CN còn có khoảng cách khá xa so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực.

- Trong xu thế phát triển của kinh tế tri thức, lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên, giá lao động rẻ dần nhường chỗ cho lợi thế về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo. Đồng Nai, nếu không sớm chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng của lực lượng lao động thì sẽ không có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực về thu hút đầu tư và các công nghệ tiên tiến từ bên ngoài.

- Trong quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế và KH&CN, Đồng Nai đang đứng trước những khó khăn về tái cấu trúc và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế; về cơ chế thương mại, tài chính, ngân hàng, sở hữu trí tuệ, v.v... phù hợp với thông lệ quốc tế. Tình trạng này nếu không sớm vượt qua sẽ cản trở sự thành công của quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Trước những cơ hội thuận lợi và khó khăn thách thức trên đây, nếu không có những quyết sách đột phá về đổi mới thể chế kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý KH&CN, những biện pháp mạnh mẽ tăng cường năng lực KH&CN của tỉnh, thì nguy cơ tụt hậu kinh tế và KH&CN ngày càng xa và tình trạng lệ thuộc lâu dài vào nguồn công nghệ nhập là khó tránh khỏi.

I. PHƯƠNG HƯỚNG-MỤC TIÊU:

1. Phân đầu xây dựng Đồng Nai thành tỉnh có một nền khoa học và công nghệ đạt trình độ tiên tiến so với trình độ chung của khu vực; từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức, cơ bản có khả năng tự chủ những công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực chính của nền kinh tế với chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; trở thành động lực trực tiếp đối với một tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Đẩy mạnh đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN theo hướng tập trung nghiên cứu ứng dụng ở 3 lĩnh vực ưu tiên là: phát triển nông nghiệp, nông thôn; thực hiện cải cách hành chính và đào tạo phát triển nguồn nhân lực KH&CN; Trong đó tiếp tục khẳng định 3 lĩnh vực mũi nhọn trong hoạt động là: phát triển công nghệ thông tin; phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn và đào tạo thu hút phát triển nguồn nhân lực KH&CN là động lực chính để phát triển khoa học và công nghệ bền vững góp phần tích cực vào sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh, xứng tầm với một địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Tổ quốc.

3. Xây dựng các luận cứ khoa học cho phát triển kinh tế-xã hội và cải cách thủ tục hành chính; Đẩy mạnh nghiên cứu đổi mới cơ chế chính sách khoa học và công nghệ phục vụ phát triển cả chiều rộng và chiều sâu và thực hiện xã hội hóa để thu hút các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ phát triển.

II. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KH&CN:

Phân đầu thực hiện đạt và vượt 29 chỉ tiêu phát triển Khoa học và Công nghệ đã đề ra trong Kế hoạch số 155-KH/TU ngày 11/11/2013 Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển Khoa học và Công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

III. SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG:

Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 2419/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai ngày 26/9/2011; Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giai đoạn 2011-2015; Xây dựng và ban hành chương trình cho giai đoạn 2016-2020.

III. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Phát triển tiềm lực Khoa học và Công nghệ:

- Tập trung mọi nguồn lực, nhất là nguồn vốn để phát triển mạnh về tiềm lực khoa học và công nghệ, nhanh chóng nâng cao năng lực khoa học và công nghệ làm nền tảng vững chắc và động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh; Đẩy mạnh đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở khoa học và công nghệ tạo sự phát triển mạnh mẽ về tiềm lực KH&CN; Phân đầu đến năm 2015 cơ bản hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động các dự án trọng điểm của tỉnh như: Phát triển mạnh tiềm lực Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học tỉnh để hình thành Khu công nghệ cao chuyên ngành Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai vào giai đoạn 2016-2020; đầu tư xây dựng Bảo tàng Khoa học tỉnh; Trung tâm chiếu xạ tỉnh; Trạm Quan trắc phóng xạ tỉnh; Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN tỉnh;...

- Phát triển mạnh nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh dựa trên cơ sở các hệ thống đào tạo hiện đại hoá và xã hội hoá; Nghiên cứu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng chất xám nguồn nhân lực KH&CN có trình độ cao; Có cơ chế, chính sách ưu đãi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh; Nghiên cứu xây dựng, ban hành chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ; Chính sách đặc thù thu hút các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước vào làm việc tại Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học; Tập hợp và phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH tỉnh Đồng Nai; phục vụ cho tỉnh Đồng Nai.

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa hoạt động KH&CN; Tăng cường quản lý và phát triển KH&CN từ tỉnh đến cơ sở.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ:

- Thực hiện cơ chế đặt hàng của các ngành, các cấp và phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

- Tập trung các nguồn lực triển khai để giải quyết, bảo đảm mang lại hiệu quả thiết thực các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh theo Quy hoạch phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 (tầm nhìn đến năm 2020).

- Tổ chức nghiên cứu, tổng kết-đánh giá khoa học, khách quan tình hình thực hiện tại địa phương các đường lối, chủ trương của Trung ương và của Tỉnh trong phát triển KT-XH, an ninh-quốc phòng theo hướng CNH, HĐH thể chế kinh tế thị trường, định hướng XHCN.

- Xây dựng những đề tài, dự án nghiên cứu sâu hơn về kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, dân tộc, tôn giáo nhằm xác lập những luận cứ khoa học, thực tiễn cho những quyết định, chủ trương của lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ nghiên cứu về giống, kỹ thuật canh tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các vùng chuyên canh, thâm canh;

- Tổ chức nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, hiệu quả cao phù hợp phục vụ sản xuất và đời sống.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và sản phẩm:

- Đẩy mạnh triển khai các nội dung, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các Chương trình khoa học và công nghệ Hỗ trợ các doanh nghiệp/đơn vị nâng cao năng lực cạnh tranh; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; bảo hộ Sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp. Cung cấp thông tin Sở hữu công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu triển khai, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân tạo dựng, xác lập quyền, khai thác và phát triển giá trị thương mại và bảo vệ tài sản sở hữu công nghiệp, đặt biệt là tên gọi xuất xứ hàng hoá, chỉ dẫn địa lý dùng cho đặc sản của địa phương.

- Xác định và hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm làng nghề truyền thống của địa phương. Hướng dẫn doanh nghiệp chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế, xác định sản phẩm và thị trường tiềm năng; trên cơ sở đó hướng dẫn thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm đó ở nước ngoài.

- Tăng cường hiệu quả của hệ thống bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng lực của thanh tra khoa học và công nghệ để có thể đóng vai trò là cơ quan đầu mối điều phối, tổ chức phối hợp hoạt động của các cơ quan bảo đảm thực thi quyền sở hữu công nghiệp để phát hiện và xử lý hành chính các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

4. Tạo lập và phát triển nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ:

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và trình độ lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và mọi tầng lớp nhân dân về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh và đất nước.

- Tổ chức cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý nhà nước; tuyên truyền, phổ biến thành tựu tri thức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-kinh tế miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Hướng dẫn, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu tổng hợp, chuyên đề và các trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

- Tổ chức các hoạt động thư viện, hội nghị, hội thảo, triển lãm, hội chợ về khoa học và công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị.

5. Phát triển mạnh về thị trường Khoa học và Công nghệ:

- Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh tham gia vào thị trường công nghệ.

- Đầu tư và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và đời sống.

- Hình thành hệ thống các tổ chức trung gian công nghệ, giao dịch công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các giao dịch mua bán công nghệ; Thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ thông qua việc tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị hàng năm trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất tham mưu tỉnh ban hành các văn bản pháp lý theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về thị trường công nghệ; quy định về sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ; nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ; Tăng cường năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước trong định hướng, điều tiết vi mô và kiểm soát hoạt động của thị trường nhằm đảm bảo cho thị trường hoạt động có hiệu quả, giảm thiểu những tác động tiêu cực.

6. Đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ:

- Đảm bảo đầu tư kinh phí cho hoạt động KH&CN hàng năm đạt 2% tổng chi ngân sách theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương và của tỉnh đã đề ra; Phấn đấu tổng đầu tư xã hội cho KH&CN đến năm 2015 đạt 1,5% GDP và dự kiến đến năm 2020 đạt 2% GDP. Nâng cao hiệu quả đầu tư và sử dụng kinh phí đầu tư cho toàn ngành.

- Đầu tư ngân sách cho những lĩnh vực nghiên cứu mang ý nghĩa chung cho toàn xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh tế-xã hội chung của cộng đồng và dành phần thỏa đáng hỗ trợ khuyến khích các tổ chức/doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu - triển khai thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học.

- Đẩy mạnh hoạt động của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh và xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng hiệu quả để chủ động hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN.

- Nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi Luật ngân sách nhằm tăng cường đầu tư, tập trung quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong đầu tư phát triển các ngành khoa học, các nhiệm vụ trọng điểm của tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính liên vùng.

- Nghiên cứu, đề xuất đổi mới cơ chế tài chính hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thay cơ chế tài chính hành chính hiện nay bằng cơ chế tài chính sự nghiệp để tạo động lực cho các tổ chức sự nghiệp KH&CN hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đặc thù cho Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai.

7. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ:

- Thực hiện chương trình hợp tác với Viện Hàn lâm khoa học xã hội và Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam.

- Tăng cường hợp tác toàn diện với các tỉnh và vùng, các Trung tâm, Trường, Viện nghiên cứu về lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ như: Hợp tác nghiên cứu khoa học, tham gia hội đồng khoa học và công nghệ, hội thảo, triển lãm khoa học và trao đổi, chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm trong hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm phục vụ cho các hoạt động khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh như: Hợp tác về các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, đào tạo, sử dụng chuyên gia... nhằm nâng cao trình độ và bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ, tìm kiếm các công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến mới, các giống mới phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

PHẦN III ĐỀ XUẤT-KIẾN NGHỊ

Qua kết quả hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm 2011-2015 triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 46/NQ-CP và Kế hoạch số 155-KH/TU và đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu đề ra của Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011-2020 ban hành theo Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Đề tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa trong giai đoạn 2016-2020, Đồng Nai kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ một số vấn đề sau:

1.

hát triển công nghệ cao:

Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành Trung ương sớm thống nhất và có Tờ trình với Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành lập Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai. Về việc này, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo các Bộ ngành sớm có tờ trình nhân chuyển về Đồng Nai dự Lễ công bố hoàn thành xây dựng nông thôn mới cho 2 đơn vị là Thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc-Đồng Nai và Thủ tướng Chính phủ có đến thăm, làm việc tại Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai.

2. Thực hiện các chỉ tiêu phát triển KH&CN theo Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020:

Để có cơ sở cho việc chuẩn bị tổ chức sơ kết đánh giá kết quả 5 năm 2011-2015 triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 46/NQ-CP, Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch số 155-KH/TU ngày 11/11/2013 của Tỉnh ủy Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW,...trong việc thực hiện một số chỉ tiêu về phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011-2020 đã ban hành.

Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sớm có hướng dẫn cho địa phương về phương pháp, tiêu chí, các yếu tố và biểu mẫu để điều tra, đánh giá các chỉ tiêu sau: Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị, Tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ, Nhân lực xã hội có trình độ trên đại học,...

2. Về quản lý công nghệ:

- Đề nghị điều chỉnh có quy định rõ hơn là các công nghệ được chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam phải bắt buộc đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

- Xem xét tăng thời hạn đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ là 01 năm đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ dài hạn hoặc có thời hạn > 5 năm.

- Tổ chức tập huấn triển khai thực hiện Thông tư 04/2014/TT-BKH&CN ngày 08/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn đánh giá trình độ công nghệ sản xuất.

3. Về quản lý sở hữu trí tuệ:

Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành cơ chế, chính sách để tạo điều kiện nhân rộng và ứng dụng vào thực tiễn đối với các sáng chế, sáng kiến kỹ thuật, các mô hình sáng kiến, giải pháp hội thi sáng tạo kỹ thuật,... có hiệu quả thiết thực và đã đạt các giải thưởng ở địa phương.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- Vụ phát triển KH&CN, Bộ KH&CN (b/c);
- Cục Công tác phía Nam, Bộ KH&CN (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- UBND Tỉnh (b/c);
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở;
- Các phòng/đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP, KH-TC.

KHTC021-baocaohoatdongKH&CNgd2011-2015\10b

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Sáng